

Số: *207* /QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày *19* tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT
thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Khối CS Bộ tại TP.HCM;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, KH.(250)



Cao Đức Phát

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 07/01/2016 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 207/QĐ-BNN-KH
ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Ngày 07 tháng 01 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chi đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016. Để thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch hành động nhằm cụ thể hóa và tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

Năm 2016 là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016 - 2020), Kế hoạch phát triển 5 năm (2016 - 2020) ngành nông nghiệp và PTNT, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; năm diễn ra bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2020. Năm 2016 được dự báo tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thuận lợi, cơ hội cho tăng trưởng, phát triển kinh tế khi cộng đồng ASEAN đã hình thành và triển khai các Hiệp định thương mại tự do; nhưng đồng thời cũng sẽ có nhiều khó khăn, thách thức do diễn biến tình hình chính trị - kinh tế của thế giới và khu vực còn nhiều phức tạp, khó lường... Trong nông nghiệp, sự biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt theo dự báo năm 2016 sẽ diễn ra hạn hán gay gắt hơn trên phạm vi cả nước; cân đối ngân sách cho Bộ và ngành thấp hơn nhiều so với nhu cầu; thị trường nông sản thế giới và trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh ngày càng gay gắt... Những yếu tố trên sẽ tác động mạnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP và hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch của ngành đề ra.

Mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2016 là: *Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, giá trị gia tăng cao, bền vững, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong nước và thúc đẩy xuất khẩu; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, nâng cao nhanh thu nhập và cải thiện đời sống của dân cư nông thôn; quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng.*

Các chỉ tiêu chính:

- Tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt 3,0%.



- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt 3,5%.
- Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 31 tỷ USD.
- Sản lượng lúa đạt khoảng 44,5 triệu tấn.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 88%.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới đạt khoảng 23%.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất, thúc đẩy tiêu thụ nông lâm thủy sản

1.1 Tái cơ cấu trên các lĩnh vực cụ thể

(1) *Trồng trọt*: Tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu để tái cơ cấu ngành trồng trọt theo kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 1006/QĐ-BNN-TT ngày 13/5/2014; phát triển sản xuất trồng trọt quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở thay đổi căn bản từ khâu giống, sử dụng giống chất lượng cao. Định hướng cơ cấu diện tích, sản lượng các loại cây trồng chính như sau:

- *Cây lương thực*: Tập trung nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản xuất lúa gạo thông qua tăng cường sử dụng giống lúa chất lượng và giá trị thương mại cao bằng các biện pháp thâm canh đồng bộ. Thực hiện chuyển đổi khoảng 100 ngàn ha gieo trồng lúa sang trồng một số cây hàng năm, chủ yếu là ngô, cây thức ăn chăn nuôi. Tổng diện tích gieo trồng lúa khoảng 7,6 triệu ha, năng suất bình quân 57,8 tạ/ha, sản lượng đạt 44,5 triệu tấn. nỗ lực đổi phó với hạn hán, nắng nóng ngay từ vụ Đông Xuân để bảo đảm sản xuất, tận dụng cơ hội về thị trường.

Tiếp tục đưa các giống ngô mới có năng suất cao, giống ngô chuyển gen vào sản xuất đại trà, kết hợp các biện pháp thâm canh; mở rộng diện tích ngô lên 1,22 triệu ha, tăng 20 ngàn ha so với năm 2015. Duy trì diện tích sắn 560 ngàn ha, đưa năng suất lên 190 tạ/ha, sản lượng trên 10,6 triệu tấn; hướng dẫn nông dân đầu tư thâm canh theo đúng quy trình kỹ thuật nhằm tăng năng suất, giảm chi phí, đồng thời tránh làm suy thoái đất và giảm phát thải khí nhà kính.

- *Cây công nghiệp*: *Đối với cà phê*: Thực hiện thâm canh bền vững trên diện tích hiện có và trồng tái canh 11.500 ha, ghép cải tạo 4.000 ha cà phê già cỗi, năng suất thấp bằng các loại giống mới, ưu thế hơn; khuyến khích mở rộng chương trình sản xuất cà phê có chứng nhận UTZ, 4C, VietGap, GlobalGap... *Đối với cao su*: Theo dõi sát diễn biến giá cao su trên thị trường để có biện pháp kỹ thuật chăm sóc, khai thác mù hợp lý, giãn khai thác mù nếu thị trường tiếp tục khó khăn; hoàn thành rà soát quy hoạch cao su cả nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; năm 2016 không trồng mới, kể cả những vùng trong quy hoạch. *Đối với chè*: Duy trì diện tích khoảng 130 ngàn ha; thực hiện trồng thay thế chè già cỗi bằng các giống mới; rà soát quy hoạch chè cả nước đến năm 2020; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên chè. *Đối với cây điều*: Duy trì diện tích khoảng 310 ngàn ha; đẩy mạnh cải tạo vườn điều; thâm canh tăng năng suất, chất lượng; mở rộng mô hình trồng xen canh điều với một số cây trồng khác.

- *Cây công nghiệp hàng năm*: Ổn định khoảng 300 ngàn ha mía, sản lượng 20 triệu tấn mía cây; tăng diện tích lạc từ 215 ngàn ha lên 225 ngàn ha, sản lượng khoảng 518 ngàn tấn; tăng diện tích đậu tương lên 120 ngàn ha (tăng 10 nghìn ha), sản lượng khoảng 180 ngàn tấn.

- *Rau, hoa và cây ăn quả*: Diện tích rau, đậu các loại đạt khoảng 1,08 triệu ha; sản lượng rau các loại 15,8 triệu tấn, đậu hạt các loại đạt 194 ngàn tấn. Tập trung thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng các loại trái cây có thị trường tiêu thụ; nâng diện tích cây ăn quả lên khoảng 800 ngàn ha. Mỗi địa phương lựa chọn phát triển cây ăn quả lợi thế thành vùng hàng hóa quy mô lớn. Phát triển sản xuất rau, hoa công nghệ cao, quy mô lớn tập trung ở các vùng ven đô, các thành phố lớn.

Duy trì tốt công tác giám sát và phòng chống sâu bệnh trên cây trồng.

(2) *Chăn nuôi*: Triển khai mạnh các định hướng và nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo Quyết định số 984/QĐ-BNN-CN ngày 09/5/2014, chuyển mạnh từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại; khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại, công nghiệp, liên kết theo chuỗi giá trị; nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng áp dụng kỹ thuật tiên tiến, có kiểm soát theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014.


- Tiếp tục phát triển các giống vật nuôi chất lượng cao; khuyến khích nhập khẩu giống tốt, chọn tạo đàn giống thích hợp cho mỗi vùng sinh thái; phát triển mạnh đàn gia cầm, lợn và bò sữa; lai tạo và công bố một số tổ hợp lai gà thả vườn có năng suất, chất lượng cao, chi phí thức ăn thấp; lựa chọn và phát triển các giống vật nuôi đặc sản gắn với các vùng miền; phổ biến rộng rãi các giống thủy cầm lai chuyên thịt hoặc chuyên trứng...

- Sản xuất khoảng 16,7 triệu tấn thức ăn gia súc công nghiệp quy đổi; tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn gia súc, trọng tâm là quản lý các chất chính và chất cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi.

- Tăng cường công tác thú y, phòng trừ dịch bệnh; đẩy mạnh kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ; xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

(3) *Thủy sản*: Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo Quyết định số 2760/QĐ-BNN-TCTS ngày 22/11/2013. Tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững 2016 - 2020.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo các Nghị định của Chính phủ: số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 và số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015; thực hiện tốt các giải pháp, chính sách khuyến khích, hỗ trợ ngư dân khai thác, đánh bắt hải sản. Tập trung phát triển kinh tế biển gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo và thực hiện Chiến lược Biển Việt Nam. Phối hợp quản lý, tuyên truyền, hướng dẫn ngư dân không đánh bắt hải sản trên các ngư trường xâm phạm chủ quyền của nước khác.

Tập trung hỗ trợ đóng mới và cải hoán tàu cá xa bờ; tăng cường đầu tư thiết bị trên tàu để nâng cao hiệu quả khai thác và giảm tổn thất sau thu hoạch; phát triển khai thác thủy sản gắn liền với bảo vệ và phát triển nguồn lợi; tiếp tục phát triển chuỗi giá trị cá ngừ áp dụng công nghệ cao. 

- Đa dạng hóa đối tượng, phương thức nuôi với cơ cấu diện tích và sản lượng phù hợp với từng vùng kinh tế, sinh thái trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh. Đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, có chứng nhận đối với các sản phẩm chủ lực (tôm, cá tra, nhuyễn thể...). Phát triển các vùng nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nuôi tôm sú quảng canh tiên tiến, nhân rộng các mô hình kết hợp lúa - tôm hiệu quả; phát triển nuôi trên biển, tập trung vào cá, tôm hùm, nhuyễn thể.

Giữ ổn định diện tích nuôi cá tra khoảng 5.100 ha, nâng cao chất lượng và tổ chức liên kết chuỗi, đảm bảo có lãi cho cả doanh nghiệp chế biến xuất khẩu và người nuôi; ổn định diện tích nuôi tôm sú khoảng 600 ngàn ha, tôm chân trắng khoảng 100 ngàn ha, đẩy mạnh thâm canh bền vững; phát triển nuôi cá rô phi thâm canh ở đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng sông Cửu Long; phát triển nuôi nhuyễn thể và các loại thủy sản khác phù hợp với từng vùng, miền và thị trường.

- Phát triển chế biến, tiêu thụ thủy sản trong liên kết theo chuỗi giá trị; chú trọng khuyến khích nâng cao tỷ lệ chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng dịch vụ hậu cần thủy sản; ưu tiên phát triển cảng cá kết hợp với khu neo đậu tàu thuyền để tăng hiệu quả đầu tư; đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ tin học, điện tử, viễn thám, công nghệ bảo quản sau thu hoạch tiên tiến trong quản lý và hiện đại hóa ngành thủy sản.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát tồn dư hóa chất, kháng sinh trong sản phẩm thủy sản; nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh trên thủy sản, trước hết trên tôm, nhuyễn thể, cá tra; ngăn chặn việc sử dụng tạp chất trong chế biến và xuất khẩu thủy sản.

- Củng cố và hoàn thiện bộ máy, tăng cường năng lực cho lực lượng kiểm ngư để hướng dẫn ngư dân thực hiện đúng luật pháp (cả của nước ta và quốc tế) trên biển, đồng thời góp phần bảo vệ biển đảo Tổ quốc.

(4) *Lâm nghiệp*: Tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/7/2013; trọng tâm là thực hiện 04 kế hoạch hành động: (i) Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng; (ii) Nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; (iii) Phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp; (iv) Phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ.

- Hoàn thành kiểm kê và triển khai rà soát quy hoạch 3 loại rừng. Thực hiện quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, từng bước thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao; tăng tỷ lệ rừng kinh tế, nâng cao hiệu quả rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm từ khai thác gỗ non xuất khẩu dăm sang khai thác gỗ lớn cung cấp cho công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu.

- Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và chế biến lâm

Handwritten signature

sản, phát triển du lịch sinh thái rừng; nghiêm túc thực hiện kế hoạch trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng bị chuyển đổi làm thủy điện và mục đích khác.

- Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 và các chính sách hỗ trợ phát triển khác đã được ban hành.

- Tăng cường công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, giảm mạnh số vụ vi phạm và diện tích rừng bị thiệt hại.

(5) *Diêm nghiệp*: Ôn định diện tích sản xuất muối đã quy hoạch là 15.000 ha, sản lượng muối khoảng 1,5 triệu tấn, trong đó muối công nghiệp khoảng 600 ngàn tấn. Đẩy mạnh sản xuất muối cung cấp cho ngành công nghiệp hóa chất, chế biến muối iốt; đồng thời, thông qua chế biến để tiêu thụ muối thô tạo điều kiện nâng cao đời sống diêm dân. Tiếp tục nhân rộng mô hình sản xuất muối sạch, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất, giảm thiểu sự ảnh hưởng của thời tiết và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

(6) *Phát triển công nghiệp chế biến NLTS*: Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án nâng cao giá trị gia tăng hàng NLTS thông qua tái cơ cấu lĩnh vực công nghiệp chế biến, bảo quản và giảm tổn thất sau thu hoạch, theo Quyết định số 1016/QĐ-BNN-CB ngày 13/5/2014; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến sản phẩm ăn liền để nâng cao giá trị gia tăng; đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp, rà soát, đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013.

Phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến các phế phụ phẩm nông nghiệp tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm đối với từng ngành hàng cụ thể.

1.2 Về các nội dung và giải pháp tổng thể

Trong năm 2016, Bộ và các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp chính sau:

(1) *Rà soát hệ thống cơ chế chính sách; xây dựng, sửa đổi bổ sung quy hoạch phát triển sản phẩm, sản xuất nông nghiệp*:

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, luật pháp để nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước; tạo hành lang pháp lý cho phát triển nông nghiệp; tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu ngành, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới; trọng tâm là chính sách đất đai, tín dụng, thương mại, thuế và chính sách thu hút nguồn lực xã hội cho nông nghiệp, nông thôn. Tập trung rà soát lại các văn bản pháp quy và các văn bản quản lý ngành, loại bỏ các văn bản, quy định không còn phù hợp và điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng, đề xuất ban hành các chính sách đặc biệt ưu tiên để khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác.

Rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, các Đề án/Kế hoạch tái cơ cấu các chuyên ngành, lĩnh vực để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực

Handwritten signature

tiền; tiếp tục rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp theo Quyết định số 124/2012/QĐ-TTg ngày 02/2/2012 để phục vụ tái cơ cấu ngành; tập trung hoàn thành quy hoạch phát triển các cây: cao su, hồ tiêu, ngô, thanh long, quy hoạch chuyển đổi cây rừng, quy hoạch phát triển vật nuôi có tiềm năng, lợi thế, có giá trị cao và có thị trường tiêu thụ ổn định.

Tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện quy hoạch sản xuất gắn với lợi thế và nhu cầu thị trường, kết hợp quy hoạch ngành, vùng, lãnh thổ với phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị để xây dựng kế hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư.

(2) *Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ:* Ưu tiên cao nhất cho nghiên cứu, chuyển giao và tổ chức sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và giá trị thương phẩm cao; công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, giải quyết các vấn đề quan trọng bức thiết của ngành; ứng dụng sâu rộng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý.

Rà soát, nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012, số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015, số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015; các chính sách khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo; chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; thực hiện chính sách đặt hàng cho các nhiệm vụ khoa học; hình thành các Trung tâm khoa học công nghệ cho các vùng trọng điểm nông nghiệp.

Xây dựng các gói hỗ trợ kỹ thuật để hướng dẫn người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh; thực hiện việc phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức của nông dân và doanh nghiệp; chuyển giao một số dịch vụ công trong khoa học cho doanh nghiệp thực hiện.

Đẩy nhanh xây dựng và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong các lĩnh vực thuộc ngành giai đoạn 2016 - 2020, tập trung hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng và an toàn thực phẩm (ATTP); hài hoà hoá tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu.

(3) *Tiếp tục tổ chức lại sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng:*

- *Về công tác quản lý doanh nghiệp:* Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, tập trung thực hiện kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp theo Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 và Chi thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2014; thực hiện đúng lộ trình thoái vốn nhà nước. Các doanh nghiệp thực hiện đúng tiến độ cổ phần hóa và cơ cấu lại vốn đầu tư, tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, có thế mạnh và hiệu quả cao; đồng thời tích cực tham gia trong chuỗi giá trị sản xuất của từng sản phẩm, ngành hàng.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện minh bạch, công khai hóa thông tin về hoạt động, tình hình tài chính của doanh nghiệp; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

- *Về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp:* Tiếp tục chủ trì triển khai thực hiện và phối hợp kiểm tra, đôn đốc, giám sát các địa phương triển khai thực hiện kế hoạch sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014; Trình Thủ tướng Chính phủ phương án tái cơ cấu cụ thể đối với từng nông, lâm trường quốc doanh, đảm bảo yêu cầu quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Về đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản:* Phát triển sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả, từng bước đưa nông nghiệp lên sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao.

Tiếp tục phối hợp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013. Đẩy mạnh thực hiện các nhóm giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Quyết định số 1231/QĐ-TTg ngày 07/9/2012 trong lĩnh vực nông nghiệp.

Tổng kết, tuyên truyền và nhân rộng các hình thức hợp tác, liên kết gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản ra toàn quốc và các lĩnh vực sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản. Đồng thời, đánh giá và bổ sung chính sách hỗ trợ cho các loại hình tổ chức sản xuất này phát triển bền vững.

Nghiên cứu hình thành hội đồng ngành hàng của các ngành hàng chiến lược với sự tham gia của đại diện các cơ quan quản lý nhà nước và các tác nhân trong chuỗi giá trị (doanh nghiệp, đơn vị sản xuất, nông dân...).

Tập trung chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp sang hoạt động theo Luật Hợp tác xã và Nghị định về Hợp tác xã nông nghiệp (sau khi được Chính phủ ban hành); đẩy mạnh đào tạo cán bộ quản lý nông nghiệp về Hợp tác xã; hỗ trợ địa phương xây dựng mô hình Hợp tác xã kiểu mới, chủ yếu tổ chức xã viên áp dụng các quy trình sản xuất tốt có xác nhận để gắn kết trong các chuỗi giá trị. Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích phát triển kinh tế trang trại.

- *Về đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập:* Đẩy mạnh quá trình đổi mới tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, nhằm tăng chất lượng cung cấp dịch vụ công, bảo đảm hiệu quả các hoạt động; xác định giá trị và giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo quy định của Chính phủ. Rà soát, phân loại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục và phương án chuyển đổi theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015.



(4) Đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành

- Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo lao động nông nghiệp theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 (Giai đoạn 2016 - 2020 đào tạo nghề nông nghiệp cho 1,4 triệu lao động nông thôn, bình quân 280 ngàn người/năm). Chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của lao động, doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia đào tạo nghề cho nông dân. Gắn đào tạo nghề với thúc đẩy chuyển giao công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến và quy trình sản xuất mới cho các hộ nông dân.

- Tiếp tục thực hiện Quy hoạch nguồn nhân lực và Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành đã được phê duyệt; kiện toàn tổ chức và tăng cường năng lực bộ máy quản lý ngành; thực hiện hiệu quả Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Nội vụ; tập trung làm rõ chức năng, phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương về các lĩnh vực: đầu tư, quản lý chất lượng nông sản, vật tư nông nghiệp và ATTP...

Tiếp tục sắp xếp, tăng cường năng lực cho các cơ sở đào tạo, phục vụ mục tiêu phát triển nguồn nhân lực của ngành.

(5) Tài cơ cấu đầu tư để tập trung vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, các công trình có khả năng hoàn thành trong năm 2016

- Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015 và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư thông qua điều chỉnh các ưu tiên đầu tư và phương thức đầu tư theo định hướng tái cơ cấu ngành tại Quyết định số 1440/QĐ-BNN-KH ngày 27/6/2014.

Hoàn thành và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020; hoàn thành phân bổ, quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016; chấm dứt nợ đọng xây dựng cơ bản, khắc phục đầu tư dàn trải. Tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư giai đoạn 2016 - 2020.

- Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, kiểm soát chặt chẽ quá trình thi công, xây dựng, chống thất thoát, lãng phí; nâng cao chất lượng công trình xây dựng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật về kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

- Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách thu hút nguồn lực xã hội, phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

hml

- Đẩy mạnh triển khai kế hoạch hợp tác quốc tế nhằm tăng cường hợp tác, thu hút các nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, các dự án có giá trị gia tăng lớn từ bên ngoài để phục vụ cho mục tiêu tái cơ cấu ngành. Huy động và quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các nguồn đầu tư xã hội, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững.

1.3 Đẩy mạnh phát triển thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và tăng cường xuất khẩu

- Xây dựng kế hoạch nâng cao khả năng cạnh tranh đối với những mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực. Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam theo Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 và Quyết định số 3340/QĐ-BNN-CB ngày 20/8/2015.

- Tổ chức phổ biến các Hiệp định thương mại song phương, đa phương đã ký, hướng dẫn các doanh nghiệp, người dân biết và khai thác, biến cơ hội thành lợi ích thực sự. Tăng cường các hoạt động đàm phán mở cửa thị trường, tập trung vào giải quyết các rào cản kỹ thuật; cập nhật các thông tin về chính sách thương mại của các đối tác, các quốc gia khác để hướng dẫn các doanh nghiệp có phản ứng phù hợp, kịp thời.

- Thực hiện các giải pháp hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa. Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để kịp thời định hướng sản xuất. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng phát triển thương hiệu lớn, có uy tín, gắn với chỉ dẫn địa lý; quảng bá sản phẩm. Đa dạng hóa thị trường, nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường “ngách” để tiêu thụ các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa; thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; xây dựng hình ảnh sản phẩm thông qua chất lượng cao, đảm bảo ATTP và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng; nâng cao hiệu quả hoạt động hội chợ, triển lãm với sự tham gia của cộng đồng, nhất là của các doanh nghiệp lớn.

- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, hiệp hội ngành hàng để kịp thời nắm bắt thông tin và chỉ đạo tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng NLTS.

2. Tập trung phát triển nông thôn, nâng cao thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội cho dân cư nông thôn

2.1 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020; tăng cường công tác tuyên truyền; kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo các cấp và đội ngũ cán bộ vận hành Chương trình. Nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất hiệu quả để nâng cao nhanh hơn thu nhập cho người dân; sử dụng có hiệu quả nguồn lực Nhà nước và huy động nguồn lực xã hội để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất kinh doanh ở khu vực nông thôn.



- Tập trung xây dựng chính sách; tổ chức thực hiện hiệu quả Kết luận số 97-KL/TW ngày 09/5/2014 về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình.

- Ưu tiên đầu tư cho các công trình cấp nước sạch và vệ sinh MTNT các xã nông thôn mới, các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển, các địa bàn thường bị thiên tai hạn hán, lũ lụt, khu vực có nguồn nước bị ô nhiễm.

2.2 Giảm nghèo bền vững

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020, Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 01/11/2012 về Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 và tham gia thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân, nhất là tại các xã nghèo, huyện nghèo; nghiên cứu xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp để giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

- Kết hợp, lồng ghép thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; hỗ trợ các xã, thôn, bản vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh, phát triển bền vững kinh tế, xã hội khu vực biên giới, biển đảo.

2.3 Quy hoạch và điều chỉnh dân cư

- Triển khai thực hiện các giải pháp chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 và Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2015. Tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung chính sách và giải pháp ổn định dân di cư tự do theo Chỉ thị số 39/2004/CT-TTg ngày 12/11/2004. Thực hiện tốt các dự án bố trí dân cư biên giới Việt - Trung, Việt - Lào, Việt Nam - Campuchia.

- Tập trung thực hiện ổn định đời sống, sản xuất của người dân các cụm, tuyến dân cư vượt lũ, vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai. Chủ trì thẩm định Dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2.4 Phát triển ngành nghề nông thôn

- Quy hoạch phát triển các làng nghề gắn với quy hoạch xử lý môi trường. Trên cơ sở các mô hình điểm về xử lý môi trường ở các cơ sở công nghiệp chế biến, các làng nghề, xây dựng kế hoạch trung và dài hạn về giải quyết môi trường các cơ sở này theo từng địa phương, vùng và cả nước, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường ở các làng nghề gần khu dân cư tập trung.

- Các địa phương triển khai thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống. Tiếp tục nghiên

Handwritten signature

cứu, triển khai thực hiện các mô hình mỗi làng một nghề, một cây, một con. Phối hợp hỗ trợ các làng nghề, hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống theo hướng hiện đại có sức cạnh tranh cao.

3. Phát triển thủy lợi, đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

3.1 Phát triển thủy lợi

- Tập trung triển khai Đề án tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi theo Quyết định số 794/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/4/2014 và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi. Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu. trọng tâm là phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản và làm muối, phát triển công nghiệp, phục vụ đời sống dân cư... Tập trung hoàn thành quy hoạch thủy lợi toàn quốc phục vụ tái cơ cấu ngành.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, xây dựng và phổ biến các mô hình tổ chức quản lý đạt hiệu quả cao hơn, phù hợp với điều kiện từng vùng. Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 14/10/2013 về tăng cường công tác quản lý, bảo đảm an toàn hồ chứa; rà soát, bố trí vốn để nâng cấp, sửa chữa các hồ có nguy cơ mất an toàn.

- Tiếp tục củng cố, nâng cấp đề điều hướng tới thích ứng với biến đổi khí hậu, kết hợp giao thông, quốc phòng, an ninh...; tu bổ đề điều thường xuyên hướng ưu tiên đầu tư vào những công trình trọng điểm, nguy cơ mất an toàn cao; tạo điều kiện phát triển dân sinh, kinh tế khu vực được đề điều bảo vệ.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư các công trình thủy lợi, tập trung nguồn lực hoàn thành các công trình dở dang; đầu tư mới chủ yếu để đảm bảo an toàn các hồ chứa, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, phục vụ chuyên đổi cơ cấu sản xuất. Xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong quản lý thủy nông; phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho các cây trồng cạn, cây công nghiệp.

- Chủ động xây dựng kế hoạch phòng tránh thiên tai; triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Theo dõi sát sao diễn biến thực tế, phối hợp chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng ngừa, tập trung ứng phó có hiệu quả với các tình huống thời tiết cực đoan gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đe dọa tính mạng, tài sản của nhân dân.

3.2 Phát triển cơ sở hạ tầng thủy sản và nông, lâm nghiệp

- Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thủy sản thông qua Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững, bao gồm các nội dung đầu tư khu neo đậu tránh trú bão, phát triển hạ tầng giống thủy sản, hạ tầng nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ các dự án kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ tái cơ cấu trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp có khả năng tạo ra đột phá cho ngành.



- Xây dựng quy hoạch chi tiết và từng bước đầu tư 5 Trung tâm nghề cá lớn tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Kiên Giang và Cần Thơ.

- Tập trung vốn và đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình cung cấp dịch vụ công (khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, các phòng/trung tâm kiểm nghiệm, kiểm chứng chất lượng, ATTP, các Trung tâm quan trắc, cảnh báo môi trường...) và tăng cường năng lực quản lý nhà nước, năng lực cho lực lượng kiểm lâm, kiểm ngư.

4. Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh ATTP

- Tập trung chỉ đạo, quản lý tốt vật tư nông nghiệp, gắn với công tác bảo đảm vệ sinh ATTP, tạo chuyển biến rõ nét đối với công tác này trong năm 2016. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý chất lượng và vệ sinh ATTP và xây dựng lực lượng; giải quyết kịp thời những sự cố về ATTP, bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng. Xây dựng Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng NLTS giai đoạn 2016 - 2020. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục chính sách, pháp luật quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản.

- Triển khai các chương trình giám sát ATTP, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 và 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2013, thống kê, kiểm tra phân loại, tái kiểm tra các cơ sở loại C và xử lý vi phạm; tập trung vào các nhóm sản phẩm đang gây bức xúc về chất lượng, ATTP như phân bón, thức ăn chăn nuôi/thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các chất cấm, cơ sở sản xuất rau ăn lá, cơ sở giết mổ gia súc gia cầm, cơ sở sơ chế, chế biến NLTS...

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, thanh tra để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi sử dụng chất không đúng quy định trong sản xuất NLTS, nhất là việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, môi trường sinh thái.

- Tăng cường kiểm soát chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản nhập khẩu theo các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 25/2010/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2010 và số 13/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2011; phối hợp với các lực lượng chức năng duy trì kiểm soát ngăn chặn gia súc, gia cầm nhập lậu; kiểm soát chặt chẽ hàng nhập khẩu có nguồn gốc động, thực vật nhằm ngăn chặn hàng kém chất lượng, không đảm bảo ATTP nhập khẩu và lưu thông tại Việt Nam.

- Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, nhất là cho các đô thị lớn.

5. Quản lý, bảo vệ và sử dụng các nguồn tài nguyên, môi trường bền vững, hiệu quả

- Triển khai thực hiện hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm các chương trình mục tiêu về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, tăng cường đổi mới và sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, nguyên nhiên vật liệu đầu vào và nâng cao giá trị gia tăng hàng NLTS. Tăng cường tuyên truyền giáo dục, nâng cao ý thức cho

Handwritten signature

cộng đồng về công tác bảo vệ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lợi, tài nguyên thiên nhiên.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng đất canh tác nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp về sử dụng đất đúng mục đích phát triển sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng tiết kiệm, không bỏ đất hoang, không làm ô nhiễm, thoái hóa đất; canh tác đúng kỹ thuật, thực hiện luân canh, tảo vụ để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tăng diện tích trồng rừng mới, đẩy mạnh khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển; bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp; phát huy có hiệu quả các chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và tính đa dạng sinh học của rừng; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 của Quốc hội về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng.

- Tổ chức thực hiện quy hoạch khai thác hải sản cho từng vùng biển ven bờ, từng nghề; phát triển các mô hình đồng quản lý nghề cá; xây dựng các mô hình chuyển đổi nghề, tạo sinh kế thay thế cho các nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường; nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản và tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Hình thành hệ thống các khu bảo tồn nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nhất là các loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh tại các vùng nước nội địa.

- Phối hợp quản lý tốt nguồn nước của các lưu vực sông và hệ thống thủy lợi bảo đảm các quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các hồ chứa, tiết kiệm nước, chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước, bảo đảm cân bằng sinh thái, giữ gìn đa dạng sinh học các vùng nước nội địa ở mức độ cao.

- Tổ chức thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-BNN-CB ngày 20/6/2014 về triển khai Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

6. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- *Thực hiện kế hoạch xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật:* Tập trung xây dựng và trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 xem xét thông qua các Dự án: Luật Thủy lợi, Pháp lệnh Giồng cây trồng (sửa đổi), Pháp lệnh Giồng vật nuôi (sửa đổi); dự kiến trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 15 Nghị định, 10 Quyết định và ban hành theo thẩm quyền 36 Thông tư.

- *Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa công sở, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh:* Tiếp tục thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, triển khai Kế hoạch CCHC nhà nước cụ thể của Bộ giai



đoạn 2016 - 2020. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ thực thi các nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015. Tiếp tục rà soát, bãi bỏ các TTHC không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp và công bố công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục. Thực hiện Chính phủ điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015. Quản lý chặt chẽ biên chế cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, hoàn thiện hệ thống chức danh cán bộ, công chức, viên chức.

Cung cấp một số dịch vụ hành chính công trực tuyến ở mức độ cao (3 và 4) trên Cổng thông tin điện tử của Bộ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát và tiết kiệm nguồn lực, giảm chi phí. Năm 2016, dự kiến tổng số TTHC đưa lên là 620 thủ tục, trong đó TTHC mức 1 là 113, mức 2 là 503 và mức 3 là 4 thủ tục.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia giai đoạn 2015 - 2020 theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015.

Triển khai thực hiện đồng bộ quy định của pháp luật về đầu tư, kinh doanh, nhất là Luật Đầu tư năm 2014, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thực hiện chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công sang cho tư nhân và các tổ chức xã hội thực hiện.

- *Cải cách tài chính công*: Tăng cường bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi. Đồng thời, có biện pháp tích cực để thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi; tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện cắt giảm các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết. Tiếp tục thực hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công; thực hiện đổi mới cơ chế giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, thực hiện cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

- *Tăng cường hợp tác quốc tế*: Xây dựng kế hoạch để triển khai các điều ước và thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương và hội nhập đã ký kết; có bộ phận chuyên trách để hỗ trợ và giám sát việc thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế có hiệu quả, nhất là trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN và các Hiệp định thương mại tự do, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Hoàn thành xây dựng, trình Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định về thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch tăng cường và mở rộng hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường khoa học công nghệ và đầu tư ra nước ngoài phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành.

Tập trung đàm phán tháo gỡ các rào cản thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu hàng NLTS.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014, Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật Phòng chống tham nhũng; triển khai đồng bộ các giải pháp nêu tại Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/02/2014 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 21-KL/TW về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của luật pháp; chấn chỉnh và tăng cường hệ thống Thanh tra chuyên ngành. Tập trung thanh tra, kiểm tra những lĩnh vực nhạy cảm như: quản lý, sử dụng đất, xây dựng cơ bản, sản xuất kinh doanh giống, sử dụng chất cấm trong thức ăn chăn nuôi; sản xuất kinh doanh thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; thực hiện Luật An toàn thực phẩm... Thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản theo Chi thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 về minh bạch tài sản, thu nhập.

8. Thực hiện tốt công tác thống kê, thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng

- Tăng cường năng lực công tác thống kê, dự báo và truyền thông đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành và phục vụ sản xuất, kinh doanh của ngành: Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, bao gồm quản lý hành chính, quản lý sản xuất, quản lý chiến lược - kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý nhân sự và tài nguyên. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành để kết nối từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường có hiệu quả để hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh và hoạch định chính sách.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2016. Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh trung thực hoạt động của ngành; phát hiện, phê phán và ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu và tuyên dương những gương người tốt, những việc làm hay để nhân rộng trong toàn ngành.

- Tập trung thực hiện tốt phong trào thi đua thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong toàn ngành.



III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tổng công ty, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ vào Kế hoạch hành động này để xây dựng, trình duyệt kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị tiến hành rà soát, báo cáo Bộ (qua Vụ Kế hoạch) kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành và nguyên nhân. Báo cáo gửi qua đường công văn và qua thư điện tử: kh@mard.gov.vn trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị tại cuộc họp giao ban thường kỳ tháng của Bộ. *homb*

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

ĐỖ TRƯỜNG

Cao Đức Phát
Cao Đức Phát

Phụ lục 1

**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 04/NQ-CP NGÀY 07/01/2016 CỦA CHÍNH PHỦ**
*Ban hành kèm theo Quyết định số: 207/QĐ-BNN-KH
ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Số TT	Hoạt động	Đơn vị chủ trì
1.	Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Hoàn thành bộ tiêu chí giám sát và đánh giá thực hiện tái cơ cấu ngành; chỉ đạo địa phương hoàn thành việc ban hành và thực hiện KH hành động tái cơ cấu	Vụ Kế hoạch
2.	Rà soát các Đề án/Kế hoạch tái cơ cấu các chuyên ngành, lĩnh vực để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn	Các Tổng cục; các Cục: Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến NLTS và NM, KHTT và PTNT; các Vụ: Kế hoạch, KHCN và MT, TCCB
3.	Tổ chức triển khai CTMT tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư giai đoạn 2016 - 2020.	Vụ Kế hoạch
4.	Tổ chức triển khai CTMT phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016 - 2020.	Tổng cục Thủy sản
5.	Tổ chức triển khai CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020	Tổng cục Lâm nghiệp
6.	Chỉ đạo sản xuất đảm bảo tiêu dùng trong nước, tăng cường xuất khẩu theo định hướng Đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực	Các Tổng cục: Lâm nghiệp, Thủy sản; các Cục: Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến NLTS và NM; các Sở Nông nghiệp và PTNT
7.	Phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản, công nghiệp phụ trợ; đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp. Rà soát, sửa đổi chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch NLTS	Cục Chế biến NLTS và NM
8.	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Vụ Kế hoạch; các Tổng cục: Lâm nghiệp, Thủy sản; các Cục: Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến NLTS và NM
9.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ lực	Các Tổng cục: Lâm nghiệp, Thủy sản, Thủy lợi; các Cục: Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến NLTS và NM; Vụ Kế hoạch
10.	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, phát triển NN	Vụ Khoa học Công nghệ và MT
11.	Hoàn thành ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp	Vụ Khoa học Công nghệ và MT

Handwritten signature

12.	Đổi mới tổ chức sản xuất; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Xây dựng hợp tác xã kiểu mới	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các Sở Nông nghiệp và PTNT
13.	Đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ: (i) Phương án tái cơ cấu từng nông, lâm trường quốc doanh; (ii) Danh mục và phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần	Vụ Quản lý doanh nghiệp; các doanh nghiệp thuộc Bộ; các công ty nông, lâm nghiệp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ
14.	Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015	Vụ Tài chính
15.	Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân, gắn với giải quyết việc làm, phục vụ tái cơ cấu ngành	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; Trung tâm Khuyến nông QG; các Viện, Trường thuộc Bộ; các Sở Nông nghiệp và PTNT
16.	Phát triển nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới	Vụ Tổ chức cán bộ; các Sở Nông nghiệp và PTNT
17.	Thực hiện tái cơ cấu đầu tư công. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2016; hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020.	Vụ Kế hoạch; Cục Quản lý xây dựng công trình; các Tổng cục, Cục, Vụ; các Sở Nông nghiệp và PTNT
18.	Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Các Vụ: Kế hoạch, Quản lý doanh nghiệp, Hợp tác quốc tế
19.	Ban hành chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Vụ Kế hoạch
20.	Nâng cao năng suất, giá trị và sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp, phấn đấu đạt mức trung bình của ASEAN-6	Vụ Kế hoạch
21.	Phát triển thương mại, thúc đẩy tiêu thụ, tăng cường xuất khẩu NLTS. Triển khai Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020	Cục Chế biến NLTS và NM
22.	Có giải pháp giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu sản phẩm cho nông nghiệp Việt Nam	Cục Chế biến NLTS và NM
23.	Khắc phục tồn tại, hạn chế, bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện CT MTQG xây dựng NTM gắn với giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống nhân dân	Văn phòng Điều phối NTM Trung ương; Vụ Kế hoạch; các Sở Nông nghiệp và PTNT
24.	Bảo đảm đất ở, đất sản xuất cho đồng bào khu vực tái định cư các DA thủy điện, thủy lợi và di dời ra khỏi nơi thường xuyên bị thiên tai; giải quyết cơ bản tình hình di cư tự do đến vùng miền núi, trung du	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT
25.	Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; nâng cấp cơ sở hạ tầng NLTS	Tổng cục Thủy lợi; Cục Quản lý xây dựng công trình; các Tổng cục, Cục chuyên ngành
26.	Kiểm soát chặt chẽ vệ sinh ATTP hàng NLTS nhập khẩu, xuất khẩu	Cục Quản lý chất lượng NLS và thủy sản
27.	Xây dựng Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng NLTS giai đoạn 2016 - 2020. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho các đô thị lớn	Cục Quản lý chất lượng NLS và thủy sản

Handwritten signature

28.	Kiểm tra việc sử dụng đất canh tác nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa	Cục Trồng trọt
29.	Tăng diện tích trồng rừng mới, khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển. Giao đất, khoán rừng cho hộ gia đình, cộng đồng quản lý bảo vệ	Tổng cục Lâm nghiệp
30.	Hoàn thành trồng bù diện tích rừng các dự án thủy điện, thủy lợi	Tổng cục Lâm nghiệp
31.	Quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh	Vụ Quản lý doanh nghiệp
32.	Quản lý, sử dụng hiệu quả các hồ chứa, tiết kiệm nước. Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi
33.	Xây dựng các khu bảo tồn bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản
34.	Xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn; sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên	Vụ Khoa học Công nghệ và MT
35.	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển các làng nghề gắn với bảo vệ môi trường	Chế biến NLTs và NM
36.	Hoàn thành kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2016	Vụ Pháp chế; các đơn vị được giao chủ trì xây dựng VBQPPL năm 2016
37.	Giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015	Vụ Tổ chức cán bộ
38.	Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015	Vụ Quản lý doanh nghiệp
39.	Kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015.	Các Cục: Bảo vệ thực vật, Thú y, Quản lý chất lượng NLS và thủy sản
40.	Hoàn thành rà soát các điều kiện đầu tư kinh doanh; trình Chính phủ ban hành các Nghị định thay thế các VBQP về điều kiện đầu tư kinh doanh do Bộ ban hành không còn phù hợp với Luật Đầu tư, Luật DN	Các Vụ: Pháp chế, Kế hoạch, Quản lý doanh nghiệp
41.	Tháo gỡ rào cản về thị trường ngoài nước; vận động tài trợ quốc tế cho ngành	Vụ Hợp tác quốc tế
42.	Thanh tra, kiểm tra quản lý, sử dụng đất, xây dựng cơ bản, SXKD giống, sử dụng chất cấm; SXKD thuốc thú y, thuốc BVTV; thực hiện Luật ATTP...	Thanh tra Bộ; Thanh tra chuyên ngành của các Tổng cục, các Cục; các Sở Nông nghiệp và PTNT
43.	Tăng cường năng lực công tác phân tích, dự báo thống kê. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý ngành	Trung tâm Tin học và Thống kê
44.	Đẩy mạnh thi đua thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới	Vụ Tổ chức cán bộ

Handwritten signature

Phu lục 2**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH NĂM 2016**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 207/QĐ-BNN-KH
ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình Chính phủ	Thời gian trình UBTVQH	Thời gian trình Quốc hội
I. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC (03 văn bản)					
1.	Dự án Luật Thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 5/2016	Tháng 8/2016	Tháng 10/2016
2.	Dự án Pháp lệnh giống cây trồng (sửa đổi)	Cục Trồng trọt	Tháng 5/2016	Tháng 8/2016	
3.	Dự án Pháp lệnh giống vật nuôi (sửa đổi)	Cục Chăn nuôi	Tháng 5/2016	Tháng 8/2016	
II. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN BỊ (02 văn bản)					
1.	Dự án Luật Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp			Nhiệm kỳ QH khóa XIV
2.	Dự án Luật thủy sản (sửa đổi)	Tổng cục Thủy sản			Năm 2017

Phu lục 3

CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP QUY
TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 207/QĐ-BNN-KH
ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

A. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC (25 văn bản)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
I.	Nghị định của Chính phủ (15 văn bản)			
1.	Chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn	Vụ Hợp tác Quốc tế	Tháng 6	CTCP 2015
2.	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực NN và PTNT	Vụ Pháp chế	Tháng 4	Đơn vị đề xuất thêm
3.	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	Đơn vị đề xuất thêm
4.	Thay thế Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biên, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12	CTCP
5.	Quy định về khoán bảo vệ và phát triển rừng, sử dụng đất và mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các công ty nông, lâm nghiệp Nhà nước: các BQL rừng phòng hộ, đặc dụng và các tổ chức kinh tế Nhà nước khác	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12	Đơn vị đề xuất thêm
6.	Xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 6	CTCP
7.	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra	Tổng cục Thủy sản	Tháng 8	Đơn vị đề xuất thêm
8.	Thay thế Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Tháng 9	CTCP
9.	Sửa đổi Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Tháng 12	CTCP
10.	Sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 về quản lý thức ăn chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 6	CTCP
11.	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi	Cục Thú y	Tháng 8	CTCP



TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
12.	Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y	Cục Thú y	Tháng 4	CTCP
13.	Sửa đổi, bổ sung Nghị định 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 về phát triển ngành nghề NT	Cục Chế biến NLTS&NM	Tháng 8	CTCP
14.	Phê duyệt "Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất để giảm nghèo giai đoạn 2016-2020"	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 9	CTCP
15.	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 về Khuyến nông	Trung tâm Khuyến nông QG	Tháng 5	Đơn vị đề xuất thêm
II. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (10 văn bản)				
1.	Ban hành quy chế quản lý rừng sản xuất	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	CTCP
2.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 ban hành quy chế đầu tư xây dựng công trình lâm sinh	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 12	Đơn vị đề xuất thêm
3.	Thay thế Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 về hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 3	CTCP
4.	Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, sử dụng nước tiết kiệm	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 3	CTCP
5.	Chế độ phụ cấp theo nghề đối với Kiểm ngư viên và phụ cấp ưu đãi nghề đối với Thuyền viên tàu Kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	Tháng 5	CTCP
6.	Chế độ ưu tiên trong tuyển dụng công chức là Thuyền viên tàu Kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	Tháng 9	CTCP
7.	Quy định việc thành lập và tổ chức, hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật các cấp	Cục Thú y	Tháng 4	CTCP
8.	Cơ chế chính sách tăng cường quản lý giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Cục Thú y	Tháng 6	CTCP
9.	Sửa đổi Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong NN	Cục Chế biến NLTS và Nghề muối	Tháng 12	CTCP
10.	Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản trong sản xuất nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 9	CTCP

B. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN BỊ (14 văn bản)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
I.	Nghị định của Chính phủ (09 văn bản)		
1.	Sửa đổi Nghị định số 28/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Vụ Quản lý Doanh nghiệp	
2.	Sửa đổi Nghị định số 12/2014/NĐ-CP ngày 25/2/2014 ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc	Vụ Quản lý Doanh nghiệp	
3.	Sửa đổi Nghị định số 10/2014/NĐ-CP ngày 13/2/2014 ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam	Vụ Quản lý Doanh nghiệp	
4.	Quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường	Tổng cục Lâm nghiệp	
5.	Chính sách phát triển thị trường nội địa các sản phẩm gỗ và lâm sản	Tổng cục Lâm nghiệp	
6.	Sửa đổi Nghị định số 57/2008/NĐ-CP ngày 02/5/2008 ban hành Quy chế quản lý các khu bảo tồn biển Việt Nam có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế	Tổng cục Thủy sản	
7.	Hướng dẫn quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình cấp nước tập trung nông thôn	Tổng cục Thủy lợi	
8.	Quy định chi tiết điều kiện của tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	
9.	Quy định về sản xuất và kinh doanh mía, đường	Cục Chế biến NLTS & NM	
II.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (05 văn bản)		
1.	Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia, đầu tư vào nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vụ Khoa học. Công nghệ và Môi trường	
2.	Sửa đổi Điều 3 Quyết định số 57/2014/QĐ-TTg ngày 22/10/2013 về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản	Vụ Tổ chức cán bộ	
3.	Chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác phòng, chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	
4.	Hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	Văn phòng điều phối NTM TW	

Phu

Phu lục 4

**CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2016**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 207/QĐ-BNN-KH
ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

A. CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC (36 văn bản)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
1.	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và PTNT với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong nông nghiệp, nông thôn	Vụ Kế hoạch	Tháng 3	Đ/c CTCT 2015
2.	Thông tư hướng dẫn lập hồ sơ đề án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 12	
3.	Thông tư quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 6	
4.	Thông tư thay thế Thông tư số 09/2014/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2014 quy định một số nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường do Bộ NN và PTNT quản lý	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 5	
5.	Thông tư thay thế Thông tư số 55/2013/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2013 hướng dẫn quản lý các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc Bộ NN và PTNT	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	Tháng 5	
6.	Thông tư thay thế Thông tư 24/2015/TT-BNNPTNT quy định về quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT	Vụ Pháp chế	Tháng 7	
7.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 6	
8.	Thông tư quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành NN và PTNT	Vụ Tổ chức cán bộ	Tháng 9	
9.	Thông tư công bố danh mục cụ thể hàng hóa cấm XK và hàng hóa XK theo giấy phép đối với gỗ, củi, than nguyên liệu có nguồn gốc từ rừng tự nhiên trong nước	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	
10.	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNNPTNT	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	
11.	Thông tư quy định về khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	

Handwritten signature

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
12.	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và PTNT với Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020	Tổng cục Lâm nghiệp	Tháng 6	
13.	Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 về quy định thành lập và quản lý quỹ phòng chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	Tháng 12	
14.	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 12/2014/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2014 quy định biểu trưng, cờ hiệu, cờ truyền thống, trang phục, mẫu thẻ kiểm ngư và màu sơn tàu, xuồng kiểm ngư	Tổng cục Thủy sản	Tháng 5	
15.	Thông tư ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam	Cục Trồng trọt	Quý I, II, III, IV	
16.	Thông tư quản lý giống cây ngắn ngày	Cục Trồng trọt	Tháng 6	
17.	Thông tư quản lý giống cây dài ngày	Cục Trồng trọt	Tháng 6	
18.	Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa thay thế Nghị định số 42/2012/NĐ-CP	Cục Trồng trọt	Tháng 4	
19.	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và PTNT với Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định loại cây trồng lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu	Cục Trồng trọt	Tháng 6	
20.	Thông tư sửa đổi Thông tư số 57/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/11/2012 quy định việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các chất cấm thuộc nhóm Beta-agonist trong chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	Tháng 3	
21.	Thông tư quy định phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn	Cục Thú y	Tháng 5	
22.	Thông tư quy định phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản	Cục Thú y	Tháng 5	
23.	Thông tư quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn và động vật thủy sản	Cục Thú y	Tháng 5	
24.	Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn	Cục Thú y	Tháng 5	
25.	Thông tư quy định về kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản	Cục Thú y	Tháng 5	

Handwritten signature

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Ghi chú
26.	Thông tư quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật	Cục Thú y	Tháng 5	
27.	Thông tư quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y	Cục Thú y	Tháng 5	
28.	Thông tư ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam	Cục Thú y	Tháng 5	
29.	Thông tư quy định về quản lý thuốc thú y	Cục Thú y	Tháng 5	
30.	Thông tư quy định tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với các chức danh về thú y	Cục Thú y	Tháng 5	
31.	Thông tư quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thú y các cấp	Cục Thú y	Tháng 5	
32.	Thông tư hướng dẫn chất lượng các công trình xây dựng theo Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015	Cục Quản lý XDCT	Tháng 3	
33.	Thông tư về quy định chi tiết một số nội dung về Giám sát đánh giá đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Bộ NN và PTNT quản lý	Cục Quản lý XDCT	Tháng 6	Đ/c từ CTCF 2015.
34.	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và PTNT với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn về điều kiện và tiêu chí hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp giai đoạn 2015 – 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Tháng 6	Đ/c từ CTCF 2015
35.	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và PTNT với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020	Văn phòng điều phối NTM TW	Tháng 6	
36.	Thông tư hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	Văn phòng điều phối NTM TW	Tháng 12	

B. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN BỊ (24 văn bản)

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1.	Thông tư sửa đổi Thông tư số 69/2009/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2009 quy định khảo nghiệm đánh giá rủi ro đối với đa dạng sinh học và môi trường của giống cây trồng biến đổi gen	Vụ Khoa học Công nghệ và MT	

Handwritten signature

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
2.	Thông tư thay thế Thông tư số 49/2009/TT-BNNPTNT ngày 4/8/2009 về hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT	Vụ Hợp tác quốc tế	Đ/c CTCT 2014
3.	Thông tư hướng dẫn nhiệm vụ, tiêu chuẩn của đội ngũ nhân viên kỹ thuật NN và PTNT công tác trên địa bàn cấp xã	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.	Thông tư liên tịch của Bộ Nông nghiệp và PTNT với Bộ Nội vụ thay thế Thông tư số 79/2009/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 14/12/2009 hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công lập thuộc ngành nông nghiệp và PTNT	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.	Thông tư hướng dẫn tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quản lý cán bộ khuyến nông cơ sở	Vụ Tổ chức cán bộ/Trung tâm Khuyến nông QG	
6.	Thông tư hướng dẫn chế độ bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi	
7.	Thông tư thay thế Thông tư số 75/2004/TT-BNN ngày 20/12/2004 hướng dẫn việc thành lập, củng cố và phát triển tổ chức hợp tác dùng nước	Tổng cục Thủy lợi	
8.	Thông tư hướng dẫn phương án phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập	Tổng cục Thủy lợi	
9.	Thông tư hướng dẫn lập quy trình vận hành hồ chứa nước	Tổng cục Thủy lợi	
10.	Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định về quản lý an toàn đập	Tổng cục Thủy lợi	
11.	Thông tư sửa đổi, thay thế Quyết định số 57/2008/QĐ-BTS ngày 02/5/2008 Ban hành danh mục giống được phép sản xuất, kinh doanh	Tổng cục Thủy sản	
12.	Thông tư sửa đổi bổ sung Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT ngày 22/6/2015 và Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 về quản lý giống thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Tổng cục Thủy sản	
13.	Thông tư sửa đổi Thông tư số 89/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2011 ban hành danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trong năm	Tổng cục Thủy sản	
14.	Thông tư thay thế Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 và Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN ngày 28/11/2007 ban hành quy chế đăng ký, đăng kiểm tàu cá và thuyền viên	Tổng cục Thủy sản	

Handwritten signature

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
15.	Thông tư bổ sung loài cây trồng vào Danh mục loài cây trồng được bảo hộ	Cục Trồng trọt	
16.	Thông tư thay thế Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013 về hướng dẫn bảo hộ quyền đối với giống cây trồng	Cục Trồng trọt	
17.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 41/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quản lý phân bón thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Cục Trồng trọt	
18.	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	
19.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	
20.	Thông tư hướng dẫn quản lý tinh bò đông lạnh và cơ sở nuôi bò đực giống	Cục Chăn nuôi	
21.	Thông tư hướng dẫn công nhận và điều kiện đối với đơn vị kiểm tra chất lượng tinh đông lạnh	Cục Chăn nuôi	
22.	Thông tư ban hành Danh mục và hàm lượng các loại kháng sinh, hóa dược được phép sử dụng tại Việt Nam	Cục Chăn nuôi	
23.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/11/2011 quy định về truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm không đảm bảo trong lĩnh vực thủy sản và Thông tư số 74/2011/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2011 quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm nông lâm sản không bảo đảm an toàn	Cục Quản lý chất lượng NLS & TS	
24.	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2013/TT-BNNPTNT ngày 05/01/2013 quy định phân tích nguy cơ và quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản và muối	Cục Quản lý chất lượng NLS & TS	

Đinh